

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 509/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn 3, xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn M; địa chỉ: Thôn 3, xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, trình bày nội dung chị kết hôn với anh Đỗ Văn M trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 9 năm 1996. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng với anh M tại thôn 3, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận và có 03 chung, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh M không lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, không chăm sóc vợ con. Anh M không chung thủy trong quan hệ vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng thờ ơ lạnh nhạt. Chị T đã làm đơn xin ly hôn anh M, song chị đã rút đơn để anh M có thời gian sửa đổi, con cái có đủ cha và mẹ. Nhưng từ đó cho đến nay, anh M vẫn không thay đổi, anh thường xuyên không ở nhà, không còn quan tâm lo lắng gì

đến cuộc sống của chị T và các con. Gia đình hai bên đã hòa giải mâu thuẫn cho hai vợ chồng nhưng tình cảm vẫn không được cải thiện. Chị T và anh M đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh M.

Chị và anh Đỗ Văn M có 03 con chung tên Đỗ Thị T sinh ngày 08 tháng 7 năm 1997, Đỗ Thị T1 sinh ngày 06 tháng 02 năm 2001 và Đỗ Văn T2 sinh ngày 04 tháng 02 năm 2007. Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con tên Đỗ Văn T2, tự thỏa thuận với anh M về cấp dưỡng nuôi con. Hai con chung tên Đỗ Thị T và Đỗ Thị T1 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Văn M là bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, song đến ngày mở phiên tòa, anh M vẫn không có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn M; đề nghị giao cháu Đỗ Văn T2 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Bị đơn là anh Đỗ Văn M đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Đỗ Văn M

Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, kết hôn giữa chị T và anh M là hợp pháp. Tài liệu xác minh thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong

sinh hoạt, anh M không quan tâm chăm sóc gia đình và không chung thủy trong quan hệ vợ chồng dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, gia đình và bạn bè đã hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T xin ly hôn, anh M nhận được các văn bản của Tòa án song không thể hiện quan điểm gì, chứng tỏ anh M không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn anh M.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn M có 03 con chung tên Đỗ Thị T sinh ngày 08 tháng 7 năm 1997, Đỗ Thị T1 sinh ngày 06 tháng 02 năm 2001 và Đỗ Văn T2 sinh ngày 04 tháng 02 năm 2007. Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con tên Đỗ Văn T2. Xét thấy, chị T là công nhân, có nguồn thu nhập ổn định để nuôi con; mặt khác con chung hiện đang ở cùng với chị T, được chăm sóc và phát triển bình thường về tâm sinh lý, con có nguyện vọng được ở cùng với chị T. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, điều kiện, hoàn cảnh của chị T, của anh M, Hội đồng xét xử xét giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi con tên Đỗ Văn T2 là phù hợp. Hai con chung tên Đỗ Thị T và Đỗ Thị T1 đã thành niên và đều có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đề nghị của đương sự là tự nguyện, quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không buộc anh M phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị T khai để vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết; mặt khác không có quan điểm của anh Đỗ Văn M về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn M.

- Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Văn T2 sinh ngày 04 tháng 02 năm 2007 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Hai con chung tên Đỗ Thị T sinh ngày 08 tháng 7 năm 1997 và Đỗ Thị T1 sinh ngày 06 tháng 02 năm 2001 đã thành niên và có khả năng lao động.

- Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0002134 ngày 15/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

- Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Kỳ Sơn, H. Thủy Nguyên;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân